

Bản án số: 116/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 28 - 8 - 2026
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hải Âu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Trinh
2. Ông Trần Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 384/2026/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2026 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp PY, xã TL, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp PY, xã TL, tỉnh TN.

Bà M, ông T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày trong đơn khởi kiện ngày 09/7/2026 và trong quá trình tố tụng như sau:

Qua thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị M và ông Võ Văn T tổ chức lễ cưới vào năm 2003, thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là xã Tân Lâm, tỉnh Tây Ninh), theo giấy chứng nhận kết hôn số 78/2003 ngày 29/01/2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau tại Ấp PY, xã TL, tỉnh TN cho đến khi vợ chồng ly thân. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, thiếu trách nhiệm đối với nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà M đã dọn ra ở riêng, vợ chồng đã ly thân đến nay hơn 5 năm.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Văn T có 03 con chung Võ Thị Kiều D sinh ngày 02/11/199Y, Võ Thị Kiều M sinh ngày 23/12/200X và Võ Thị Kiều L sinh ngày 29/10/200C. Con chung Võ Thị Kiều Diễm và Võ Thị Kiều M đã trưởng thành, cháu Võ Thị Kiều L hiện đang sống với bà M. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung chưa thành niên Võ Thị Kiều Ly, tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn T trình bày trong quá trình tố tụng như sau: Tại bản tự khai ngày 18/8/2026, ông T thống nhất với bà M về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, con chung, không thống nhất với bà M về nguyên nhân mâu thuẫn. Theo ông T, giữa ông và bà M chỉ cãi nhau lời qua tiếng lại bình thường, không nghiêm trọng đến mức ly hôn. Về con chung: Ông thống nhất với đề nghị bà M. Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt từ cấp sơ thẩm đến phúc thẩm.

Tài liệu, chứng cứ bà Nguyễn Thị M nộp cho Tòa án bao gồm: Căn cước công dân, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, đơn nguyện vọng ngày 09/7/2026, hợp đồng ủy quyền ngày 03/7/2026.

Tài liệu, chứng cứ ông Võ Văn T nộp cho Tòa án: Không có.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nơi cư trú bị đơn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, bị đơn ông Võ Văn T có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Võ Văn T.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Võ Văn T được xác lập vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An (nay là xã Tân Lâm, tỉnh Tây Ninh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 78/2003 ngày 29/01/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà M và ông T kết hôn đã được 23 năm, vợ chồng hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, thiếu trách nhiệm đối với nhau, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà M đã dọn ra sống riêng, vợ chồng đã ly thân đến nay hơn 05 năm. Tại bản tự khai ngày 18/8/2026, bị đơn ông

Võ Văn T có ý kiến không đồng ý ly hôn với bà M, ông T cho rằng giữa ông và bà M chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không đến mức để vợ chồng phải ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T lại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có thiện chí gặp bà M để hòa giải, hàn gắn tình cảm. Mặt khác, giữa bà M và ông T đã ly thân đến nay hơn 05 năm, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, ông T lại không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với bà M. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M đối với ông Võ Văn T.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Văn T có 03 con chung Võ Thị Kiều D sinh ngày 02/11/199Y, Võ Thị Kiều M sinh ngày 23/12/200X và Võ Thị Kiều L sinh ngày 29/10/200C. Con chung Võ Thị Kiều Diễm và Võ Thị Kiều M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Võ Thị Kiều L, sau khi ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy bà Nguyễn Thị M đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên, cháu đang phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, hiện tại cháu đã 17 tuổi. Mặt khác, tại đơn nguyện vọng ngày 09/7/2026 của cháu Võ Thị Kiều L, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về phần con chung. Giao cháu Võ Thị Kiều Ly cho bà M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con bà M không yêu cầu.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Võ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M với ông Võ Văn T .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Võ Văn T

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên cháu Võ Thị Kiều L sinh ngày 29/10/200C cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Ông Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con bà M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003160 ngày 18/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh thành án phí, bà M đã nộp xong.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 6 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hải Âu